

ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài 150 phút, không kể thời gian phát đề)

Đề thi này có 02 trang

Đọc văn bản:

BẮT SÁU RỪNG U MINH HẠ¹ (trích) – Sơn Nam²

(...)

Sáng hôm sau, ông Năm Hên đi lên ao sấu, có Tư Hoạch một tay ăn ong³ rất rành địa thế vùng Cái Tàu dân đường. Nhiều người nài nỉ xin đi theo. Ông Năm Hên cản lại:

- Đi nhiều chộn rộn⁴ lắm. Tôi không giấu nghề với bà con đâu. Có Tư Hoạch đi theo coi mà.

Đã quá giờ Ngọ.

Ngóng về phía ao sấu U Minh Hạ, ai nấy đều thấy một làn khói đen bốc lên. Ban đầu ngỡ là cháy rừng, chập sau, khói lụn⁵ xuống. Trong lúc đó bà con xóm Cái Tàu lo nấu cơm, mua rượu đợi chiều làm tiệc ăn mừng. Nhưng ngạc nhiên làm sao, trời về xế, lúc ai nấy đang nghỉ trên nhà, bỗng nghe tiếng kêu réo từng hồi:

- Bà con ơi! Ra coi sấu ... Bốn mươi lăm con còn sống nhẩn⁶.

Rõ ràng là giọng Tư Hoạch.

- Diệt kẻ⁷! Diệt kẻ! Tôi là Tư Hoạch đi bắt sấu về đây. Bà con coi sấu lội có hàng dưới sông mình nè! Một đời người mới có một lần.

Dưới sông, Tư Hoạch ngồi trên xuồng, bơi nhẹ nhẹ như đi dạo mát.

Tiếp theo lái xuồng là một bầy sấu, con này buộc nối đuôi con kia, đen ngòm như khúc cây khô dài. Mỗi con sấu, hai chân sau thúc ké trên lưng, hai chân trước tự do, quạt nước cầm chừng như tiếp sức với Tư Hoạch để đẩy chiếc bè quái dị kia đi nhẹ nhàng. Thực tế hay là chiêm bao? Người thì đứng há miệng sững sờ rồi toan chạy vào nhà trốn. Người khác khấn vái lâm râm, e nay mai xóm này bị sự trừng phạt của quỷ thần. Vài người dạn⁸ hơn, bơi xuồng ra giữa sông, nhìn bầy sấu nọ cho tỏ rõ rồi rước Tư Hoạch vào bờ hỏi han rói rít⁹.

Đại khái Tư Hoạch trình bày:

¹ U Minh Hạ: Cà Mau có rừng U Minh rộng lớn (khoảng 2000 km²) bạt ngàn tràm và đước. Sông Trẹm và sông Cái Tàu chia U Minh thành hai phần: U Minh Thượng phía bắc và U Minh Hạ phía nam. Sản vật trong rừng U Minh rất phong phú, đặc biệt là những “vườn chim” và những đầm lầy, kênh rạch nhiều tôm cá.

² Sơn Nam (1926-2008) là nhà văn Nam Bộ. Những sáng tác của ông đều mang hơi thở của thiên nhiên, của văn hóa và con người nơi đây. Vì có công khai phá, khảo cứu và sưu tầm văn hóa mảnh đất Nam Bộ, ông được nhiều người gọi là “ông già Nam Bộ” hay “nhà Nam Bộ học”. Ông là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

³ Ăn ong: lấy mật ong trong rừng.

⁴ Chộn rộn: nhốn nháo, lộn xộn.

⁵ Lụn: tàn, lụi.

⁶ Sống nhẩn: còn sống sờ sờ, chưa chết (hàm ý hài hước).

⁷ Diệt kẻ: mưu kế tài tình.

⁸ Dạn: không rụt rè, không e ngại.

⁹ Rói rít: vội vã, tỏ ra mất bình tĩnh.

- Tới ao sấu, ông Năm Hên đi vòng quanh dòm địa thế rồi ngồi xuống uống một chung¹⁰ rượu. Kế đó ông¹¹ với tôi lấy xuống¹² đào một đường nhỏ, ngày một cạn, từ ao lên rừng chừng mười thước. Xong xuôi, ông biểu tôi bứt cho ông một nắm dây cóc kèn. Phần ông thì lo đón một đống cây mốp tươi¹³, chặt ra khúc chừng ba tấc.

Lửa châm vô sậy để¹⁴, cóc kèn xung quanh, bắt cháy xuống đám sậy để trong ao. Chập sau, bị khói bay cay mắt, ngộp thở, phần thì nước sôi nóng, sấu bò lên rừng theo con đường đào sẵn hồi nãy. Tức thời, ông Năm Hên chạy lại. Sấu há miệng hung hăng đòi tấp ông. Ông dứt vô miệng sấu một khúc mốp. Sấu tấp¹⁵ lại, dính chặt hai hàm răng: như mình ngậm một cục mạch nha¹⁶ quá lớn, muốn há miệng cho rộng để nhả ra cũng không được. Sấu bị khúc mốp khóa miệng, còn cái đuôi đập qua đập lại. Ông Năm xách cây móc nhăm ngay sau lưng sấu mà xắn nhẹ nhẹ để cắt gân đuôi. Đuôi sấu bị liệt. Thế là mình yên trí, lấy dây cóc kèn¹⁷ trói thúc kè¹⁸ hai chân sau của nó lại, chừa hai chân trước để nó bơi tiếp với mình.

- Thực là bực¹⁹ thánh của xứ này rồi! Mưu kế như vậy thực quá cao cường. Ông đâu rồi. Sao không thấy ông về. Xóm mình nhất định đền ơn ông một số tiền, nuôi ông cho tới già, ở xóm này. Bà con tính sao?

Tư Hoạch nói:

- Mà quên! Ông biểu tôi về trước cho bà con coi thử. Phần ông mắc²⁰ ở lại cùm “đất đai vương trạch”²¹ rồi đi bộ về sau²².

(...)

Thực hiện những yêu cầu sau đây:

Câu 1: Trong văn bản trên, nhà văn sử dụng nhiều phương ngữ (từ địa phương) Nam Bộ. Em hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) bàn về những ưu điểm và hạn chế của lớp từ địa phương trong giao tiếp.

Câu 2: Đề cập đến thể loại truyện, có ý kiến nhận xét: *Truyện ngắn thường ít nhân vật, ít sự kiện nhưng nhân vật hoặc sự kiện đó được nhà văn đi sâu miêu tả để khám phá, phát hiện ra những nét bản chất về cuộc sống*²³.

Bằng những hiểu biết và sự trải nghiệm văn học, em hãy viết bài văn luận giải về vấn đề trên.

----- **Hết** -----

Họ tên thí sinh: Số báo danh:

Chữ ký của Giám thị 1:; Chữ ký của Giám thị 2:

¹⁰ Chung: chén uống rượu, uống trà.

¹¹ Ông: ông ấy.

¹² Xuống: xuống.

¹³ Mốp: một loại cây, giống cây vông, rượt mềm, rất dẻo, dính, có thể dùng làm nút chai.

¹⁴ Sậy để: một loại sậy to.

¹⁵ Tấp: ngoạm, đớp mạnh, nhanh bằng miệng há rộng.

¹⁶ Mạch nha: thứ kẹo rất quánh, dẻo.

¹⁷ Dây cóc kèn: loại cây dây leo ở rừng nước mặn bền chắc, dùng để trói buộc rất tốt.

¹⁸ Thúc kè: trói ngoặc chân ra sau lưng.

¹⁹ Bực: bực.

²⁰ Mắc: bận.

²¹ Đất đai vương trạch: nói trại của chữ đất đai viên trạch, chỉ thần cai quan đất đai.

²² Theo Sơn Nam, *Hương rừng Cà Mau*, NXB Phú Sa, Sài Gòn, 1962, tr.280-284.

²³ Nguyễn Văn Tùng (tổng chủ biên), *Đọc hiểu mở rộng văn bản Ngữ văn 8*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2023, tr.17.

Môn: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài 150 phút, không kể thời gian phát đề)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Đề thi gồm hai câu (một câu nghị luận xã hội và một câu nghị luận văn học), người chấm cần linh hoạt trong đánh giá. Căn cứ vào tình hình và chất lượng thực tế của bài làm để cho điểm thích hợp.
 - Khuyến khích những tìm tòi, sáng tạo riêng cả nội dung và hình thức bài làm (biết vận dụng những quan sát, suy nghĩ và trải nghiệm riêng về cuộc sống hay văn chương để bàn luận vấn đề; biết kết hợp linh hoạt các thao tác nghị luận để làm nổi bật mỗi luận điểm của bài viết,...).
 - Trong mỗi phần, tùy vào thực tế bài làm của thí sinh để trừ điểm về các lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp, diễn đạt,... cho phù hợp.
- *Lưu ý: Hướng dẫn dưới đây chỉ là những gợi ý có tính định hướng; cán bộ chấm thi cần thảo luận kỹ về nội dung và biểu điểm để bổ sung cho hoàn chỉnh trước khi chấm.*

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Câu	Nội dung	Điểm
1	Viết bài văn nghị (khoảng 400 chữ) bàn về những ưu điểm và hạn chế của lớp từ địa phương trong khi giao tiếp.	8.0
	1. Yêu cầu về kỹ năng	2.0
	Đáp ứng yêu cầu một bài văn nghị luận xã hội; luận điểm, luận cứ rõ ràng, xác đáng; đảm bảo tính liên kết, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	1.0
	Có kiến thức xã hội, dẫn chứng phù hợp; bày tỏ được chính kiến cá nhân đối với vấn đề nghị luận.	1.0
	2. Yêu cầu về kiến thức	6.0
	a) Nêu được vấn đề: Những ưu điểm và hạn chế khi sử dụng từ địa phương trong giao tiếp.	1.0
	b) Bình luận - Phương ngữ hay từ địa phương là những từ được sử dụng ở một hoặc một số địa phương nhất định. - Từ địa phương thể hiện nét đặc sắc văn hóa của vùng miền. Nó vừa gần gũi, vừa lột tả được những nét sinh hoạt, tình cảm, ... của người dân ở địa phương đó. - Từ địa phương lại có thể gây ra sự khó hiểu cho người ở những địa phương khác.	4.0

	- Để tạo nên sự hài hòa và hiệu quả trong giao tiếp, chúng ta có thể sử dụng từ địa phương với người ở địa phương và dùng từ toàn dân khi giao tiếp với những người ở những vùng miền khác. (Luận điểm rõ ràng, có lí lẽ, dẫn chứng cụ thể và lập luận thuyết phục)	
	c) Bài học liên hệ bản thân Từ vấn đề đã nêu, thí sinh nêu bài học liên hệ phù hợp, tác động tích cực trong nhận thức và hành động của bản thân và thuyết phục mọi người: nâng cao vốn từ địa phương, từ toàn dân thông qua việc đọc sách, báo, tra từ điển, (Bài học nhận thức cần tránh những hô hào sáo rỗng, xa thực tế, ...)	1.0
	* Trân trọng những bài làm sáng tạo và có vốn hiểu biết rộng, đúng đắn, sử dụng đa dạng các thao tác lập luận. Không chấp nhận kiểu viết chung chung.	
	Tổng điểm câu 1	8.0
	Bàn luận về ý kiến: <i>Truyện ngắn thường ít nhân vật, ít sự kiện nhưng nhân vật hoặc sự kiện đó được nhà văn đi sâu miêu tả để khám phá, phát hiện ra những nét bản chất về cuộc sống.</i>	12.0
	1. Yêu cầu về kỹ năng	2.0
	Đáp ứng yêu cầu một bài văn nghị luận văn học, luận điểm, luận cứ rõ ràng, xác đáng; đảm bảo tính liên kết, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	1.0
	Trình bày vấn đề một cách khoa học, hấp dẫn; dẫn chứng tiêu biểu, đa dạng, phong phú, hợp lý; lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục; sáng tạo.	1.0
	2. Yêu cầu về kiến thức	10.0
	a) Giải thích ý kiến - Nhận định đề bài nêu ra là đặc trưng cơ bản của thể loại truyện ngắn. - Do dung lượng ngắn nên sự kiện và nhân vật trong truyện ngắn không nhiều, song nó vẫn thể hiện được tư tưởng mà nhà văn muốn gửi gắm đến cho người đọc. Đó chính là những khám phá, những tâm tư tình cảm về con người và cuộc sống mà nhà văn thể hiện qua nhân vật, sự kiện trong tác phẩm.	2.0
	b) Bình luận ý kiến - Truyện ngắn ít nhân vật và ít sự kiện. + Thông qua lời người kể chuyện ở ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba sẽ xuất hiện vài ba nhân vật (xoay quanh nhân vật chính); nhân vật có thể là con người, động vật, thực vật, sự vật, ... + Gắn liền với hành động, tính cách của nhân vật là các sự kiện trong truyện. Do nhân vật không nhiều nên truyện ngắn cũng xoay qua một số sự kiện. Vì thế, cốt truyện của truyện ngắn cũng không quá phức tạp. - Dù ít nhân vật và sự kiện nhưng trong truyện ngắn nhà văn vẫn đi sâu miêu tả, khám phá, phát hiện được những nét bản chất về cuộc sống và con người.	3.0

	+ Nhà văn miêu tả, khám phá, phát hiện được những nét bản chất về cuộc sống thông qua hành động, tính cách, tình cảm của nhân vật. + Nhà văn miêu tả, khám phá, phát hiện được những nét bản chất về cuộc sống thông qua những sự kiện được đề cập trong truyện ngắn. - Qua truyện ngắn, đặc biệt là qua nhân vật và sự kiện người đọc sẽ cảm nhận được những tâm tư tình cảm mà nhà văn muốn đã gửi gắm trong tác phẩm. + Người đọc với vai trò “khám phá” những phát hiện của nhà văn về cuộc sống và con người. + Người đọc đóng vai trò đồng sáng tạo, đồng hành cùng nhà văn (thông qua nhân vật và sự kiện trong tác phẩm).	
	c) Chứng minh Thí sinh chọn lựa dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; phân tích làm sáng tỏ ý kiến (những truyện đã được học hoặc những tác phẩm khác ngoài sách giáo khoa như: <i>Thánh Gióng</i>; <i>Em bé thông minh</i>, <i>Lão Hạc</i> (Nam Cao), <i>Làng</i> (Kim Lân), <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i> (Tô Hoài), <i>Con chó Bắc</i> (Giắc Lân-đơn); <i>Chiếc lược ngà</i> (Nguyễn Quang Sáng), <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> (Nguyễn Dữ), <i>Chiếc lá cuối cùng</i> (O. Hen-ri), <i>Cố hương</i> (Lỗ Tấn), <i>Bến quê</i> (Nguyễn Minh Châu), ...)	4.0
	d) Nhận xét, liên hệ - Ý kiến trên là một nhận định đúng đắn, khoa học. - Khi tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn, người đọc cần chú ý đến nhân vật và sự kiện, bám vào đó để tìm hiểu thông điệp mà nhà văn gửi đến bạn đọc.	1.0
	* Trân trọng những bài làm sáng tạo và có vốn hiểu biết rộng, đúng đắn, sử dụng đa dạng các thao tác lập luận. Không chấp nhận kiểu viết chung chung.	

--- HẾT ---